

Nâng cao nghiệp vụ Sư phạm và phát triển cá nhân qua trải nghiệm thực tế thực tập Sư phạm ở Thái Lan

Huỳnh Thị Thúy Diễm
Đại học Cần Thơ

Tóm lược: Chương trình trải nghiệm thực tế nhằm tạo cơ hội cho sinh viên tìm hiểu văn hóa và hệ thống giáo dục của hai nước để nâng cao nghiệp vụ sư phạm và phát triển bản thân của từng sinh viên là mục tiêu của nghiên cứu này. Nghiên cứu này được thực hiện dựa trên mô hình nghiên cứu giáo dục tự nhiên (naturalistic paradigm), sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính trên 6 sinh viên thuộc khối tự nhiên của các ngành Sư phạm, trường Đại học Cần Thơ. Chúng tôi thu thập số liệu từ: hình ảnh, nhật ký, và báo cáo của từng sinh viên. Phân tích số liệu của nghiên cứu này theo phương pháp so sánh liên tục. Kết quả tìm thấy được trong nghiên cứu này là tất cả sinh viên đều học được rất nhiều bài học kinh nghiệm quý báu như: (1) giao lưu tìm hiểu văn hóa và hệ thống giáo dục; (2) sử dụng ngôn ngữ anh văn để giao tiếp, làm việc nhóm; (3) phát triển chuyên môn nghiệp vụ Sư phạm; và (4) phát triển cá nhân; Ngoài ra, họ cũng đối mặt với rất nhiều thách thức đồng thời đưa ra rất nhiều ý kiến hữu ích để giúp cho chương trình sau tốt hơn.

Từ khóa: Chương trình trải nghiệm, nghiệp vụ sư phạm, phát triển cá nhân.

Đặt vấn đề và mục tiêu nghiên cứu

Đối với việc đào tạo giáo viên Sư phạm thuộc lĩnh vực tự nhiên trong xã hội hiện nay, ngoài việc cung cấp kiến thức, phương pháp và thực tập sư phạm trong nước thì việc hiểu biết văn hóa, hệ thống giáo dục của các nước trong khu vực hay nói cụ thể hơn trong cộng đồng ASEAN cũng rất cần thiết cho việc phát triển nghề nghiệp và phát triển bản thân của họ. Hơn nữa, Việt Nam đã và đang chính thức gia nhập với các nước Đông Nam Á – là thành viên của cộng đồng ASEAN vào năm 1995 thì việc trải nghiệm thực tế thực tập để tìm hiểu văn hóa liên quan đến việc phát triển hệ thống giáo dục đối với khoa học tự nhiên rất quan trọng đối với một người giáo viên trong tương lai.

Từ lâu, các quốc gia trên thế giới có xu hướng liên kết với nhau, nên có rất nhiều quan điểm khẳng định rằng giáo viên và sinh viên ngày nay cần có đủ kiến thức và kỹ năng làm việc với những người khác nhau với nền văn hóa nhau ở bất kỳ quốc gia nào (Kamonwan, 2015). Tuy nhiên, rất ít giáo viên nhận thức rõ ràng và chuẩn bị cho những tình huống thực tế này. Điều này cũng phù hợp với nghiên cứu trước đây của Sleeter (2001). Ông cho rằng cần thiết có nhiều nghiên cứu hơn nữa trong việc khám phá kinh nghiệm tác động lên những giáo viên tham gia học tập đa văn hóa và nhận thức toàn cầu (Sleeter, 2001). Vì thế, để chuẩn bị cho những sinh viên có cơ hội tiếp cận được nền văn hóa, cũng như hệ thống giáo dục của các nước trong khu vực thì việc tham gia vào chương trình trải nghiệm thực tế thực tập giữa các nước là rất cần thiết. Bên cạnh đó, việc tham gia chương trình sẽ mang đến nhiều giá trị thiết thực cho bản thân sinh viên về những bài học có giá trị về giảng dạy (Lee, 2011), cải thiện khả năng sử dụng

ngôn ngữ thứ hai (Coleman, 1997; Kamonwan, Finley, & Nason, 2015; Lee, 2011), hiểu biết những giá trị văn hóa khác nhau (Lee, 2011; McAllister & Irvine, 2000), phát triển bản thân và phát triển nghề nghiệp (Kamonwan et al., 2015). Ngoài ra, việc sống và giảng dạy ở một môi trường văn hóa khác nhau trao cho họ một cơ hội để phát triển bản thân và phát triển nghề nghiệp hoàn thiện hơn (Aikenhead & Jegede, 1999; Aikenhead, 1996, 1997). Nghiên cứu đã chỉ ra rằng có một mối tương quan trực tiếp giữa việc tham gia chương trình mà họ đã phục vụ với con đường sự nghiệp cuối cùng mà họ chọn (Merritt, 2008).

Trên thế giới, chương trình trải nghiệm thực tế để phát triển nghề nghiệp trong tương lai của sinh viên chính thức bắt đầu vào năm 1972 giữa các trường đại học thuộc miền Nam nước Mỹ. Sau đó chương trình này được thực hiện ở các nước khác nhau. Việc học hỏi kinh nghiệm từ thực tế được thực hiện trên nhiều lĩnh vực khác nhau: Nghệ thuật, Giáo dục, Sức khỏe, Cộng đồng, Thương mại, Công nghệ và rất nhiều ngành khác (Brennan et al., 2002). Chương trình này đã thực hiện và phát triển cách nay hơn 40 năm và có gần 16 nước, trong đó các nước không nói tiếng Anh chiếm phân nửa (Brennan et al., 2002). Trong khu vực ASEAN, chương trình trải nghiệm thực tế thực tập sư phạm (CTTNTTSP) này đã được thực hiện ở Thái Lan cách nay 5 năm và sinh viên quốc tế đến thực tập với họ chủ yếu là sinh viên Mỹ (Kamonwan et al., 2015). Năm 2016, CTTNTTSP thuộc lĩnh vực khoa học tự nhiên giữa Thái Lan và Việt Nam là chương trình đầu tiên được thực hiện giữa hai nước trong cộng đồng ASEAN cụ thể là giữa trung tâm Khoa học Giáo dục (SEC) của

trường Đại học Srinakharinwirot (SWU) Thái Lan và Khoa Sư phạm (SOE) trường Đại học Cần Thơ (CTU).

Trong bài viết này, chúng tôi chọn ra một hướng nghiên cứu thuộc lĩnh vực Khoa học giáo dục về tác động của việc giao lưu văn hóa và trải nghiệm thực tế thực tập để làm rõ thêm các nền văn hóa khác nhau ảnh hưởng như thế nào đến việc phát triển cá nhân và phát triển nghề nghiệp của sinh viên Sư phạm. Vì thế mục tiêu của chương trình trải nghiệm thực tế lần này là chia sẻ kinh nghiệm, giao lưu, khám phá, tìm hiểu văn hóa, hệ thống giáo dục của Thái Lan. Đồng thời, nó cũng tạo ra một cơ hội tốt để sinh viên Sư phạm trải nghiệm thực tế thực tập, nhằm nâng cao và rèn luyện những kỹ năng dạy học trong một môi trường văn hóa mới và có hệ thống giáo dục khác với Việt Nam.

Phương pháp nghiên cứu

Thiết kế nghiên cứu

Nghiên cứu này được thực hiện dựa trên mô hình nghiên cứu giáo dục tự nhiên (naturalistic paradigm), sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính để thu thập và phân tích số liệu. Chúng tôi sử dụng phương pháp so sánh liên tục (Glase & Strauss, 1967) để phân tích và hiểu sâu hơn về những trải nghiệm mà các đối tượng tham gia chương trình gặt hái được thông qua chuyến đi 11 ngày trên đất nước Thái Lan.

Thành phần tham gia chương trình

Tham gia nghiên cứu này là 6 sinh viên giỏi thuộc các ngành SP. Vật Lý, SP. Hóa học, SP. Sinh học và Giáo dục Tiểu học của SOE-CTU tham gia chương trình trải nghiệm thực tế thực tập (Internship program) tại Trung tâm khoa học giáo dục và hai trường phổ thông vùng nông thôn của Thái Lan thuộc hướng Đông Nam Bangkok. Trường Chongkoom Wittaya (cấp 1 và 2) và trường Mathayom Pracharathan Nayao (cấp 2 và cấp 3) của Thái Lan.

Thu thập số liệu

Trong nghiên cứu này, nhà nghiên cứu đóng vai trò như một thành viên tham gia quan sát. Với vai trò quan sát, tôi và những sinh viên làm việc cùng nhau như lên kế hoạch bài dạy, quan sát sinh viên dạy thử nghiệm trước nhóm, và dạy thực tế trong lớp học. Chúng tôi thu thập dữ liệu từ: những hình ảnh, nhật ký hằng ngày của sinh viên, từ những biên bản họp nhóm, và những ghi chép thực tế từ những quan sát của chúng tôi trên 6 sinh viên Việt nam thuộc các ngành SP. Vật Lý, SP. Hóa học, SP Sinh học và Giáo dục Tiểu học đã tham gia chương trình.

Phân tích số liệu

Phương pháp so sánh liên tục (Glase & Strauss, 1967; Glaser, 2002) được áp dụng để phân tích dữ liệu nhằm phát triển một lý thuyết thực tế. Tiến trình này được thực hiện dựa trên các bước sau: (a) Xác định hiện tượng; (b) Phân đoạn; (c) Mã hóa dữ liệu; (d) Nhóm các dữ liệu và phân loại; (e) Sắp xếp lại theo từng chủ đề và tìm các mối liên quan giữa chúng. Kết quả phân tích dữ liệu được chia thành bốn nhóm bài học kinh nghiệm trình bày trong kết quả nghiên cứu.

Kết quả và thảo luận

Từ sự phân tích số liệu, kết quả mà chúng tôi tìm thấy được trong nghiên cứu này được phân chia theo bốn chủ đề bài học kinh nghiệm sẽ lần lượt trình bày sau đây:

1. Những bài học kinh nghiệm trong việc giao lưu tìm hiểu văn hóa và hệ thống giáo dục

Qua những báo cáo về văn hóa và hệ thống giáo dục của hai nước cũng như tham gia các hoạt động tham quan trường học, đền, chùa, cung điện, và bảo tàng của Thái Lan, đã giúp cho các sinh viên Việt Nam có một cái nhìn sâu sắc, toàn diện hơn về đất nước họ đến tham quan học hỏi. Thông qua những nhật ký và báo cáo của họ về chuyến đi, cho thấy họ đã tìm ra sự tương đồng và sự khác nhau trong cấu trúc cơ bản của hệ thống giáo dục giữa hai quốc gia. Đồng thời, những hoạt động này nhằm giúp cho sinh viên tránh sự ngỡ ngàng và giúp các em thêm một phần tự tin khi các em giảng dạy thực tế ở lớp học. Đồng thời, chính những hiểu biết này tạo ra một cơ sở vững chắc để thiết kế các giáo án giảng dạy phù hợp với từng đối tượng học sinh và đảm bảo sự tương tác hiệu quả giữa giáo viên và học sinh trong tiết dạy sau này của họ. Chẳng hạn

Mặc dù rất giống nhau về thời gian thực hiện một tiết học trên lớp là 45 phút nhưng nội dung truyền đạt cho học sinh trong tiết học đó thì quá ít so với một tiết dạy thực sự ở Việt Nam. Ngoài ra, một phòng học cho tất cả các môn như ở Việt Nam, thì ở Thái Lan các em học sinh phải di chuyển đến nhiều phòng khác nhau để học các môn khác nhau.

Ngoài ra, khi tham gia tham quan cung điện, đền đài, chùa chiền và các di tích lịch sử họ đều cho rằng đây là một trong những bài học về văn hóa và lịch sử thú vị nhất, dễ hiểu nhất và hấp dẫn nhất bởi tính chuyên nghiệp của nó thông qua việc sắp xếp chương trình tham quan một cách logic và khoa học. Ngoài ra, việc tái hiện lại tất cả những câu chuyện về lịch sử, văn hóa, nét đặc

sắc trong phong tục, tập quán, nghi lễ, nền âm thực, tín ngưỡng, kiến trúc, âm nhạc, nghệ thuật bằng mô hình và phương tiện đa truyền thông, ứng dụng các công nghệ hiện đại làm cho người xem hứng thú và dễ nhớ. Một trong những ý kiến chia sẻ của sinh viên đã thể hiện để minh chứng cho vấn đề này:

Thực tế tôi không thích môn lịch sử cho lắm nhưng tôi đã thay đổi quan điểm rất thích lịch sử sau khi được tiếp cận cách giới thiệu văn hóa của người Thái (Phúc). Bởi vì, không chỉ được nghe thuyết minh từ chị hướng dẫn, ở mỗi phòng chúng tôi như hoàn toàn bước chân vào một đất nước Thái Lan thu nhỏ qua chiều dài lịch sử với sự tái hiện công phu qua các mô hình, mẫu vật thật, trình chiếu video trên tường, âm thanh sống động, hình ảnh 3D và đều được dịch sang tiếng Anh để mọi người đều có thể hiểu (Thịnh).

Điều này cũng phù hợp với nghiên cứu của Lee (2011) tham quan lớp học, trường học và qua giao tiếp với những người dân bản địa sẽ tạo cơ hội cho sinh viên hiểu biết thêm về những giá trị văn hóa khác nhau giúp họ có sự tôn trọng cuộc sống và văn hóa của đất nước mà họ đến thăm. Những kết quả này chứng tỏ những hoạt động giao lưu tìm hiểu văn hóa, cũng như hệ thống giáo dục của nước bạn đã giúp cho sinh viên phát triển những kỹ năng giao tiếp khi làm việc với thầy cô giáo, với ban giám hiệu nhà trường để tạo được mối quan hệ thân thiết trong giao tiếp và xây dựng mối quan hệ hợp tác bền vững sau này. Như vậy, việc hiểu biết về văn hóa, phong tục tập quán, hệ thống giáo dục sẽ giúp cho sinh viên có những tiết dạy thực tế hiệu quả bởi vì văn hóa ảnh hưởng rất nhiều đến nhận thức cũng như lĩnh hội những kiến thức khoa học của sinh viên như những nghiên cứu trước đây (McAllister & Irvine, 2000; Okere et al., 2013; Scribner & Cole, 1973).

2. Những bài học kinh nghiệm trong việc sử dụng ngôn ngữ khi giao tiếp, làm việc nhóm.

Khi đã có sự hiểu biết về văn hóa rõ ràng thì cơ hội và thách thức trong lúc làm việc luôn đi đôi với nhau. Làm việc nhóm giữa những thành viên có nền văn hóa khác nhau, trình độ học vấn khác nhau, môi trường làm việc cũng khác nhau và đặc biệt ngôn ngữ sử dụng giao tiếp ở đây đều là ngôn ngữ thứ hai, nên sẽ là cung cấp cơ hội tốt nhất cho sinh viên sáng tạo, tư duy và tìm cách để khoảng cách hiểu nhau ngày càng ngắn và thu hẹp tối đa khi có thể như tâm sự sau đây của một sinh viên:

Trước khi tham gia chương trình, tôi không có nhiều cơ hội để giao tiếp bằng tiếng Anh, tôi thường sợ sai hoặc ngại giao tiếp với người

nước ngoài. Nhưng khi đến trường Nayao, tôi buộc mình phải sử dụng tiếng Anh trong tất cả hoạt động. Tôi phải cố gắng diễn đạt những suy nghĩ, ý kiến của mình bằng tiếng Anh. Tôi chọn những từ đơn giản, một nghĩa và nói to, nói chậm để mọi người có thể hiểu. Thậm chí có nhiều khi chúng tôi sử dụng ngôn ngữ hình thể, từ điển và viết để giải thích điều mình nói miễn sao hiểu nhau để làm việc tốt nhất. Tôi cảm thấy tự tin hơn để sử dụng tiếng Anh, tôi học được nhiều cách diễn đạt mới khi giao tiếp (Thịnh), và học được nhiều từ vựng và cách dùng câu sao cho hợp lý để người nghe dễ hiểu nhất (Hiệp).

Thông qua làm việc nhóm sinh viên sẽ có cơ hội hoàn thiện những kiến thức, rèn luyện kỹ năng giao tiếp, và chia sẻ những kinh nghiệm về phương pháp giảng dạy như họ đã biết cách lắng nghe, góp ý sao cho tốt, biết cách diễn đạt và giải thích cho người khác hiểu ý kiến của mình thông qua những buổi chuẩn bị giáo án, giảng thử góp ý xây dựng giáo án mà một sinh viên đã chia sẻ sau đây:

Bản thân khi được trải qua 10 ngày làm việc cùng mọi người (sinh viên Việt Nam, sinh viên Thái Lan đến các giáo viên hướng dẫn từ trường Chongkoom thảo luận, đề xuất và lắng nghe ý kiến và phản hồi từ mọi người đã giúp tôi phát triển và hoàn thiện hơn về kỹ năng làm việc nhóm. Dù là sinh viên năm thứ nhất thôi nhưng tôi đã biết cách chia sẻ ý kiến mình với tập thể và ngược lại biết cách tiếp thu ý kiến từ mọi người một cách tích cực và tạo sự liên kết với mọi người trong nhóm để hoàn thành công việc tốt hơn. (Thu).

Những kết quả trên đây chứng tỏ những kỹ năng nghe, nói và viết của sinh viên đã cải thiện một cách đáng kể đồng thời họ còn tìm ra rất nhiều cách giao tiếp và diễn đạt mới như ngôn ngữ hình thể và tận dụng những phương tiện hiện đại để làm cho người nghe và người đối diện được hiểu nhau hơn như những nghiên cứu trước đây (Coleman, 1997; Kamonwan et al., 2015; Lee, 2011) và của một sinh viên chia sẻ cách vượt qua những khó khăn và trở ngại trong giao tiếp rất thú vị để chứng minh cho kỹ năng sáng tạo của mình:

Đa phần sinh viên Thái Lan nói giọng trầm của còn sinh viên Việt Nam nói giọng cao của Anh. Hơn nữa, các bạn Thái Lan mặc dù có rất nhiều năm kinh nghiệm nhưng khả năng giao tiếp tiếng Anh của họ còn hạn chế nên trong quá trình làm việc với nhau các sinh viên Việt Nam gặp không ít khó khăn trong vấn đề giao tiếp. Chính vì sự khó khăn này đã giúp cho sinh viên Việt Nam có rất nhiều sáng tạo trong cách diễn đạt như: sử dụng ngôn ngữ hình thể, viết ra giấy, hay sử dụng ipad và cân nhắc nên sử dụng những từ ngữ nào phổ biến và dễ hiểu nhất (Thịnh).

3. Những kinh nghiệm trong việc phát triển nghề nghiệp giảng dạy

Tham quan, dự giờ là một công việc rất cần thiết của người giáo viên trước khi thực hiện việc giảng dạy của mình, để khám phá và tìm hiểu về phương pháp dạy học vai trò của giáo viên, kỹ năng dạy học, cơ sở vật chất của trường cũng như hoàn cảnh của học sinh ở tại địa phương đó. Bài học kinh nghiệm đầu tiên được hầu hết sinh viên ghi nhận và thích thú là phương châm dạy học của người Thái là “Dạy ít, học nhiều” qua những lời chia sẻ dưới đây:

Cũng giống như ở Việt Nam về thời gian thực hiện một tiết học trên lớp là 45 phút nhưng nội dung truyền đạt cho học sinh trong tiết học đó thì quá ít so với một tiết dạy thực sự ở Việt Nam (Tuyền). Chiến thuật dạy học dựa theo mô hình 5E (Engage, Explore, Explain, Extend (or Elaborate), and Evaluate), sắp xếp các hoạt động cho học sinh tham gia, trình bày bảng dưới dạng sơ đồ nhánh. Trong khi, ở Việt Nam đa phần tiến trình dạy học theo 5 bước lên lớp (Kiểm tra bài cũ, giới thiệu bài mới, giảng nội dung bài mới, củng cố và dặn dò), và tóm tắt kiến thức trên bảng theo dạng hàng và chia cột. Hơn nữa, giáo viên Thái Lan không phải soạn giáo án trước khi đến lớp. Việc soạn giáo án do Học viện Phát triển Khoa học Giáo dục và Kỹ thuật Thái Lan (IPST) phụ trách (Vy).

Dựa trên những báo cáo và nhật ký của sinh viên, chúng tôi phát hiện bài học kinh nghiệm quan trọng thứ hai được hầu hết các sinh viên đề cập đến là khâu chuẩn bị giáo án. Nếu khâu chuẩn bị không tốt, giáo viên của các trường không hiểu ý đồ của sinh viên thì họ sẽ khó lòng chấp nhận cho sinh viên thực hiện tiết dạy thực tế được. Bởi vì việc giảng dạy này không đơn thuần dạy kiến thức mà nó còn bao hàm cả dạy tiếng Anh, tạo cơ hội cho học sinh tiếp xúc với người nước ngoài. Và một rào cản lớn nhất mà sinh viên Việt Nam phải đối mặt là đa phần các giáo viên thuộc chuyên ngành khoa học tự nhiên ở các trường này đều không biết tiếng Anh. Vì thế, quy trình này được xem là một phát hiện mới trong quá trình trải nghiệm thực tập thực tế mang đến sự thành công cho chính bản thân sinh viên mà họ chia sẻ dưới đây:

Lên ý tưởng bằng tiếng Việt sau đó dịch sang Tiếng Anh, rồi trình bày với sinh viên Thái, tiếp đến tranh luận và thống nhất, rồi dịch sang tiếng Thái cho giáo viên hướng dẫn, sau đó chuẩn bị đồ dùng dạy học song ngữ, cuối cùng mới thực hiện giảng dạy. Nếu chúng tôi (gồm 3 phía: tôi, sinh viên Thái, giáo viên hướng dẫn) không thật sự hiểu nhau và thống nhất về kế hoạch dạy học thì chúng tôi sẽ không bao giờ có được một tiết dạy thành công (Vy).

Ngoài ra, dựa trên những hình ảnh, nhật ký và báo cáo của sinh viên, chúng tôi nhận thấy, để có những tiết dạy ấn tượng, không nhàm chán và chiếm được cảm tình của nhiều học sinh nhất là phương pháp giảng dạy và những chiến thuật giảng dạy hiệu quả. Đây cũng chính là bài học kinh nghiệm thứ ba của sinh viên liên quan đến phát triển nghề nghiệp của họ. Chúng tôi xin minh họa một vài cảm nhận của một số sinh viên sau đây:

Tôi không sử dụng phương pháp diễn giảng quá nhiều trong bài dạy mà liên tục đặt ra các câu hỏi với mục đích hướng dẫn, yêu cầu học sinh quan sát. Ngoài ra, tôi học cách trình bày bảng theo dạng sơ đồ tư duy, thay vì dạng chia cột trên bảng như truyền thống. Tôi thấy cách này vô cùng hay vì thông qua đó có thể khái quát hóa lại kiến thức toàn bài, nhấn mạnh các phần trọng tâm cho học sinh dễ nhớ. (Thịnh). Ngoài ra qua trao đổi, tôi nhận thấy phương pháp giảng dạy của họ chủ yếu là trò chơi và thí nghiệm và nhấn mạnh ứng dụng thực tế, nếu những bài học có liên quan đến thực tế thì việc học trực tiếp ở những ao hồ, đồng ruộng, trang trại, nhà sửa xe, phòng làm nails và tiệm làm tóc là đương nhiên và các em được trải nghiệm thực tập tại nơi đây (Phúc).

4. Những bài học kinh nghiệm trong việc phát triển cá nhân

Tham gia chương trình hơn 11 ngày nhưng tất cả các sinh viên Việt Nam đều nhận thấy bản thân họ có những chuyển đổi tích cực, mà những chuyển đổi này do chương trình trải nghiệm thực tế đã mang lại cho họ. Vì thế, có thể thấy chương trình trải nghiệm này đã rất thành công và chính nó có ảnh hưởng rất lớn đến nhận thức và hành động của sinh viên trong tất cả những lãnh vực mà mục tiêu chương trình đã đề ra. Chẳng hạn, họ nhận ra những điểm mạnh và điểm yếu của bản thân:

Quá trình thực giảng lần đầu tiên cũng như dự giờ những tiết dạy của các giáo viên và thành viên khác của nhóm đã giúp tôi nhận ra được khả năng của bản thân mình cũng như những thiếu sót mà bản thân cần khắc phục (Thu).

Đồng thời, thấy được tầm quan trọng trong môi trường làm việc quốc tế; phải biết hòa mình, hợp tác và tiếp thu những điều hay từ người khác; cách diễn đạt ngôn ngữ của họ như thế nào cho phù hợp; rèn luyện những kỹ năng sống và làm việc vì tập thể.

Các chương trình trao đổi và giao lưu quốc tế mở ra cho sinh viên nhiều cơ hội để trải nghiệm, khám phá cái mới, cái hay từ các quốc gia trên thế giới, giúp sinh viên có tầm nhìn rộng hơn, xa hơn, áp dụng những điều học được xây dựng nước nhà, phát triển bản thân và tạo dựng được sự nghiệp ổn định và tốt đẹp trong tương lai (Thịnh). Chính môi trường làm việc này đã tạo cho tôi có

cơ hội rèn luyện những kỹ năng tư duy và sáng tạo giúp các kỹ năng làm việc nhóm của tôi được phát huy tác dụng (Tuyền). Tôi nhận ra rằng ngoài một số kỹ năng cần thiết như: kỹ năng làm việc có kế hoạch chuyên nghiệp, kỹ năng làm việc nhóm, thì kỹ năng thích nghi trong những điều kiện làm việc không ổn định cũng cần thiết cho cá nhân (Vy). Quan trọng nhất đó chính là tôi nhìn nhận và đánh giá được khả năng của bản thân mình, từ đó hiểu được tầm quan trọng của năng lực làm việc quốc tế, không chỉ sống riêng cho mình mà muốn tiến bộ thì cần phải biết hòa mình, hợp tác và tiếp thu những điều hay từ người khác (Hiệp). Điều quan trọng cuối cùng tôi nhận ra bản thân cần cố gắng nhiều hơn để đáp ứng tiêu chuẩn về nguồn nhân lực trước xu thế hội nhập và toàn cầu hóa của thế giới (Phúc).

Mặc dù chỉ trong một thời gian ngắn, nhưng những điều hay mà họ học được ngoài sự mong đợi và nó ảnh hưởng rất lớn đến nhận thức và suy nghĩ một cách tích cực về công việc, về cuộc sống và thậm chí định hướng cả tương lai sau này của họ.

Việc hiểu biết về văn hóa, hệ thống giáo dục của các nước trong khu vực thông qua trải nghiệm thực tế trong cộng đồng ASEAN rất cần thiết cho việc phát triển nghề nghiệp và phát triển bản thân của sinh viên Sư phạm trong tương lai. Tuy nhiên, rất ít giáo viên và sinh viên hiểu biết, nhận thức rõ ràng và chuẩn bị cho những việc hội nhập này (Sleeter, 2001). Trong nghiên cứu này, dựa

Tài liệu tham khảo

- Aikenhead, G. S. (1996). Science Education: Border Crossing into the Subculture of Science. *Studies in Science Education*, 27(December), 1–52. doi:10.1080/03057269608560077
- Aikenhead, G. S. (1997). Many students cross cultural borders to learn.
- Aikenhead, G. S., & Jegede, O. J. (1999). Cross-cultural science education: A cognitive explanation of a cultural phenomenon. *Journal of Research in Science Teaching*, 36(3), 269–287. doi:10.1002/(SICI)1098-2736(199903)36:3<269::AID-TEA3>3.0.CO;2-T
- Brennan, S., Butt, M., Andersen, N., & Cushner, K. (2002). The overseas Students teaching experience.
- Cobern, W. W., Editor, S., & Aikenhead, G. S. (1997a). Toward a first nations cross-cultural science and technology curriculum. *Science Education*, 81(2), 217–238. doi:10.1002/(SICI)1098-237X(199704)81:2<217::AID-SCE6>3.0.CO;2-I
- Cobern, W. W., Editor, S., & Aikenhead, G. S. (1997b). Toward a first nations cross-cultural science and technology curriculum. *Science Education*, 81(2), 217–238. doi:10.1002/(SICI)1098-237X(199704)81:2<217::AID-SCE6>3.0.CO;2-I
- Coleman, J. a. (1997). Residence abroad within language study. *Language Teaching*, 30(1), 1–20. doi:10.1017/S0261444800012659
- Glase, B. G., & Strauss, A. L. (1967). The discovery of grounded theory: strategies for qualitative research. *Statewide Agricultural Land Use Baseline*. doi:10.1017/CBO9781107415324.004
- Glaser, B. G. (2002). Conceptualization: On theory and theorizing using grounded theory. *International Journal of Qualitative Methods*, 1, 23–38. doi:10.1103/Physics.3.106
- Gunstone, R. F., Slattery, M., Baird, J. R., & Northfield, J. R. (1993). A case study exploration of development in preservice science teachers. *Science Education*, 77(1), 47–73. doi:10.1002/sci.3730770104

trên những kết quả nghiên cứu đã thu thập được, chúng tôi nhận thấy chương trình trải nghiệm có ảnh hưởng đến nhận thức cá nhân liên quan và phát triển nghề nghiệp dựa trên những bài học kinh nghiệm mà các sinh viên đã học được bao gồm các phần: văn hóa và hệ thống giáo dục; nâng cao trình độ tiếng Anh, phát triển nghề nghiệp; phát triển cá nhân.

Kết luận

Dựa trên những kết quả nghiên cứu về nhận thức và những bài học kinh nghiệm từ sinh viên, chúng tôi nhận thấy chương trình trải nghiệm của sinh viên ngành khoa học tự nhiên mang đến nhiều thách thức cho sinh viên nhưng những thách thức này chính là những cơ hội cho sinh viên học hỏi, chia sẻ, và phát huy những điểm mạnh của mình để phát triển nghề nghiệp cũng như phát triển bản thân của từng sinh viên khi tham gia chương trình này. Tuy nhiên, trong nghiên cứu này vẫn còn điểm hạn chế là nghiên cứu chỉ thu thập số liệu đối với sinh viên Việt Nam, chưa lấy số liệu của tất cả các thành viên tham gia trong chương trình như sinh viên, giáo viên, học sinh và các hiệu trưởng ở Thái Lan. Vì thế, chúng tôi kiến nghị lần sau nếu có thực hiện chương trình này nghiên cứu nên thu thập số liệu cho tất cả các đối tượng có tham gia về cả định tính và định lượng.

- Kamonwan, K., Finley, F. N., & Nason, P. (2015). Patterns and impacts of short-term cross-cultural experience in science and mathematics teaching: Benefits, Value, and Experience, 5(7), 500–509. doi:10.17265/2161-623X/2015.07.005
- Lee, J. F. K. (2011). International Field Experience--What Do Student Teachers Learn? *Australian Journal of Teacher Education*, 36(10), 23. Retrieved from <http://libproxy.library.unt.edu:2110/ehost/detail?vid=39&hid=115&sid=445c95fc-8b63-4e5e-bf3ce9446e43770 @sessionmgr14&bdata=JnNpdGU9ZWhvc3 tbGl2ZSZzY29wZT1 zaXRI#db=eric&AN=EJ940869>
<http://libproxy.library.unt.edu:2238/ERICWebPortal/contentdelivery/serv1>
- McAllister, G., & Irvine, J. J. (2000). Cross cultural competency and multicultural teacher education. *Review of Educational Research*, 70(1), 3–24. doi:10.3102/00346543070001003
- Merritt, R. . (2008). Student internships. *EBSCO Research Starters*, 1–8.
- Okere, M. I. O., Keraro, F. N., & Anditi, Z. (2012). Pupils ' beliefs in cultural interpretations of ' heat ' associated with anger : A comparative study of ten ethnic communities in Kenya, 1(2), 143–154. doi:10.12973/eu-jer.1.2.143
- Okere, M. I. O., Keraro, F. N., & Anditi, Z. O. (2013). Pupils ' cultural interpretations of causes of rainbow in Kenya ., 3(January), 169–178. doi:10.5901/jesr.2013.v3n1p169
- Omoosewo, E. (2009). Views of physics teachers on the need to train and retrain physics teachers in Nigeria. *African Research Review*, 3(1), 314–325. doi:10.4314/afrrrev.v3i1.43577
- Scribner, S., & Cole, M. (1973). Cognitive consequences of formal and informal education, 182(4112), 553–559.
- Sleeter, C. E. (2001). Preparing teachers for culturally diverse schools: Research and the overwhelming presence of whiteness. *Journal of Teacher Education*, 52(2), 94–106. doi:10.1177/0022487101052002002